

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 8 - 2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Xứng

Bà Trần Thị Ngọc Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông Trịnh Văn Đương
- Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/3/1997. Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn ông JUNG YOUNGMIN, sinh ngày 21/7/1971. Địa chỉ: 7 J-ro 311 beon-gil, Jillye-myeon, G-si, G1-do, Hàn Quốc.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Quỳnh N trình bày:

Tháng 3/2023, bà N quen ông JUNG YOUNGMIN qua mai mối, sau khi tìm hiểu hai bên có tình cảm nên tiến đến hôn nhân. Bà N và ông JUNG YOUNGMIN tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 27/7/2022.

Sau khi kết hôn, ông JUNG YOUNGMIN về Hàn Quốc, bà T ở lại Việt Nam 03 tháng để học ngôn ngữ Hàn Quốc. Nhưng bà Như h ngôn ngữ Hàn Quốc được hơn 01 tháng thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, bà N không muốn sang Hàn

Quốc chung sống cùng chồng nên đã nghỉ học, ông JUNG YOUNGMIN cũng không về Việt Nam sống cùng bà N. Do khác biệt về phong tục tập quán, ngôn ngữ giao tiếp, ở bên Hàn Quốc ông JUNG YOUNGMIN thường xuyên nhậu nhẹt không quan tâm gia đình, ông JUNG YOUNGMIN là người có tính gia trưởng, chênh lệch về tuổi tác nên vợ chồng khó hòa hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, khoảng cách địa lý xa nên khi có mâu thuẫn không có cơ hội giải quyết, cuộc sống vợ chồng không có tình cảm.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông JUNG YOUNGMIN.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông JUNG YOUNGMIN: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông JUNG YOUNGMIN về yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Quỳnh N, ấn định thời gian giải quyết vụ án để ông JUNG YOUNGMIN biết. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông JUNG YOUNGMIN vắng mặt và Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông JUNG YOUNGMIN.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Quỳnh N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Quỳnh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông JUNG YOUNGMIN vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, 228, 238 và 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Quỳnh N:

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Huỳnh Thị Quỳnh N và ông JUNG YOUNGMIN quen biết, tìm hiểu, thương nhau và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Kiên

Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 21/4/2023. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Quỳnh N và ông JUNG YOUNGMIN là hợp pháp.

Bà N xác định, sau khi kết hôn ông JUNG YOUNGMIN về lại Hàn Quốc sinh sống. Bà N và ông JUNG YOUNGMIN có liên hệ qua lại với nhau nhưng do khác biệt về phong tục tập quán, ngôn ngữ giao tiếp, ông JUNG YOUNGMIN thường xuyên nhậu nhẹt và có tính gia trưởng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, chênh lệch về tuổi tác nên vợ chồng khó hòa hợp, khoảng cách địa lý xa nên khi có mâu thuẫn không có cơ hội giải quyết. Do tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà N yêu cầu ly hôn. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đ tại Hàn Quốc thông báo cho ông JUNG YOUNGMIN biết về yêu cầu ly hôn của bà N, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông JUNG YOUNGMIN vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Quỳnh N và ông JUNG YOUNGMIN đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn với ông JUNG YOUNGMIN.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã tạm nộp.

[5] Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Quỳnh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Quỳnh N được ly hôn với ông JUNG YOUNGMIN.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà **Huỳnh Thị Quỳnh N** xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Quỳnh N** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp, theo biên lai thu tiền số 0009767 ngày 06/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà **Huỳnh Thị Quỳnh N** phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0016627 ngày 12/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Bà **Huỳnh Thị Quỳnh N** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông JUNG YOUNGMIN có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chơn